

Số: 106/2021/QĐST - HNGĐ *Thái Nguyên, ngày 04 tháng 3 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân Gia đình thụ L số: 985/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1988

Hộ khẩu thường trú: Xóm Đ, xã S, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ: thôn L, xã Ch, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn

Bị đơn: Anh Lưu Quang Tr, sinh năm 1977

Hộ khẩu thường trú: Xóm Đ, xã S, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 146, 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Dương Thị L và anh Lưu Quang Tr.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị L và anh Lưu Quang Tr nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Có 01 con chung là Lưu Minh H, sinh ngày 11/7/2014. Hai bên thỏa thuận giao con chung là Lưu Minh H, sinh ngày 11/7/2014 cho anh Lưu Quang Tr trực tiếp chăm sóc và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị L có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị L tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) vào ngân sách nhà nước, hoàn trả chị L 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003867 ngày 10/12/2020 tại Chi cục thi hành án thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TPTN;
- TAND tỉnh TN;
- T.H.A TPTN;
- Các đương sự;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Quý Sửu